

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2018

## HƯỚNG DẪN

### Đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học

#### 1. Căn cứ thực hiện

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;



- Các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần của các trường đại học trong nước, các trường đại học nước ngoài;

- Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu thực tiễn của xã hội đối với ngành nghề đào tạo.

## 2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Các chương trình đào tạo hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền được sắp xếp theo các nhóm ngành như sau:

- *Lý luận chính trị*: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Khoa học chính trị*: Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hoá, Văn hoá phát triển, Truyền thông chính sách, Quản lý xã hội, Chính trị phát triển, Chính sách công, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế.

- *Quản lý và Kinh tế*: Kinh tế và quản lý, Quản lý kinh tế, Quản lý công.

- *Báo chí và truyền thông*: Báo in, Ảnh báo chí, Báo phát thanh, Báo truyền hình, Quay phim truyền hình, Báo mạng điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Xuất bản.

- *Xã hội học và Công tác xã hội*: Xã hội học, Công tác xã hội.

- *Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài*: Ngôn ngữ Anh.

Quy định cấu trúc các chương trình đào tạo cụ thể như sau:

### a. Chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ nhất

Khối kiến thức \ Nhóm ngành	Lý luận chính trị, Khoa học chính trị, Quản lý và Kinh tế	Ngôn ngữ Anh	Các nhóm ngành còn lại
1. Kiến thức giáo dục đại cương	48-51	46-49	46-49
1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	15	13	13
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn	15-18	15-18	15-18
Bắt buộc	9-12	9-12	9-12



Tự chọn	6-9	6-9	6-9
1.3. Toán và khoa học tự nhiên	3-6	3-6	3-6
Tin học ứng dụng	3	3	3
1.4. Ngoại ngữ	15	15	15
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79-82	84-87	81-84
2.1. Cơ sở ngành	18	18	18
Bắt buộc	12	12	12
Tự chọn	6/18	6/18	6/18
2.2. Kiến thức ngành			
Bắt buộc			
Thực tế chính trị - xã hội			(2)
Kiến tập nghề nghiệp	2	2	2
Tự chọn			
2.3. Kiến thức bổ trợ (nếu có)			
Bắt buộc			
Tự chọn			
2.4. Kiến thức chuyên ngành	$\leq 30$	$\leq 30$	$\leq 30$
Bắt buộc			
Thực tập cuối khóa	3	3	3
Khóa luận/Học phần thay thế khóa luận	6	6	6
Tự chọn			
Toàn khóa	130	133	130

b. Chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ hai

Nhóm ngành	Lý luận chính trị, Khoa học chính trị, Quản lý và Kinh tế	Ngôn ngữ Anh	Các nhóm ngành còn lại
Khối kiến thức			
Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	10	10
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	58	60	58
Toàn khóa	68	70	68

3. Nguyên tắc chung

- Việc đổi mới, hoàn thiện chương trình đào tạo bảo đảm khả năng liên thông, chuyên đổi thuận lợi nhất giữa các ngành trong Học viện, đảm bảo tính thống nhất về chương trình giữa đào tạo trình độ đại học cấp bằng thứ nhất và



cấp bằng thứ hai, giữa chương trình chính quy tập trung và chương trình hệ vừa làm vừa học.

- Chương trình đào tạo nhóm ngành Khoa học chính trị cần bám sát chương trình cao cấp lý luận chính trị hiện hành của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thể hiện chủ yếu ở khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Các học phần thuộc Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có thời lượng từ 3 - 5 tín chỉ (trừ học phần Thực tế chính trị - xã hội, Kiến tập nghề nghiệp).

- Đảm bảo thực hiện các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm có:

+ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - tổng 12 tín chỉ. Sinh viên hoàn thành số tín chỉ này sẽ được cấp chứng chỉ, là điều kiện để xét tốt nghiệp, không tính vào chương trình đào tạo.

+ Môn Pháp luật đại cương (theo Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường" và Quyết định số 3957/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường" đến năm 2021.

- Đối với một số học phần đồng thời có trong chương trình đào tạo của nhiều ngành/chuyên ngành, cần nghiên cứu để cấu trúc một cách hợp lý nhằm đảm bảo thuận lợi cho quá trình tổ chức triển khai hoạt động đào tạo trong toàn trường.

- Tổng khối lượng phần kiến thức chuyên ngành tối đa 30 tín chỉ;

- Các học phần tự chọn chiếm tỉ lệ tối thiểu 30% chương trình toàn khóa. Khi xây dựng hệ thống các học phần tự chọn cần đáp ứng mục tiêu phân hóa và chuyển đổi linh hoạt giữa các ngành học trong đào tạo, đáp ứng nhiều đối tượng khác nhau khi thực hiện cùng một chương trình. Ví dụ: khi xây dựng chương trình Chính trị phát triển phải đáp ứng 2 mục tiêu cho đầu ra, *một là*, sinh viên tốt nghiệp có thể là cán bộ chuyên sâu cho ngành Chính trị học, đáp ứng cả nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu và *hai là*, đáp ứng nhu



cầu đào tạo cán bộ hoạt động thực tiễn trong hệ thống chính trị các cấp. Nội dung tự chọn cần được thiết kế cho phép đáp ứng sự khác biệt giữa 2 đối tượng này (lưu ý đến việc thiết kế các học phần tự chọn gắn với hoạt động thực tiễn của địa phương, đảm bảo phù hợp khi triển khai đào tạo hệ vừa làm vừa học).

+ Cần thiết kế các học phần tự chọn theo nhóm 2 hoặc 3 học phần tùy theo nội dung. Phải có nhiều nhóm học phần tự chọn dựa trên cơ sở *chương trình qui định nguyên tắc thay thế hay chuyển đổi giữa các nhóm học phần* (được xem là tương đương hoặc mỗi nhóm học phần này có thiên hướng về một lĩnh vực khác mà sinh viên quan tâm và họ có thể chuyển đổi một cách thuận lợi về sau). Ví dụ: có 5 nhóm học phần tự chọn là nhóm I, II, III, IV và V. Chương trình phải qui định rõ sinh viên được quyền chọn 1 trong 2, hoặc 1 trong 3, hoặc 2 trong 5 nhóm học phần có trong chương trình ...tùy theo ngành đào tạo mà sinh viên đã đăng kí. Số học phần để chọn tối thiểu phải gấp 3 lần số học phần cần chọn. Học phần tự chọn cần ưu tiên các học phần đang được tổ chức giảng dạy tại Học viện, đã có giảng viên giảng dạy, có giáo trình, đề cương bài giảng. Nếu đưa học phần mới, cần chỉ rõ có thể kế thừa giáo trình của cơ sở đào tạo nào.

+ Cần đảm bảo tính hệ thống trong thiết kế các học phần tự chọn. Ví dụ: trong đào tạo chuyên ngành Chính trị phát triển, ở kiến thức ngành tự chọn được thiết kế theo 2 nhóm tương ứng với 2 định hướng đầu ra thì kiến thức chuyên ngành tự chọn cũng cần được thiết kế theo 2 định hướng tương tự và đảm bảo sự tiếp nối, liên kết logic với các học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành.

#### 4. Tổ chức thực hiện

\* *Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện chịu trách nhiệm:*

- Chỉ đạo toàn diện, hướng dẫn các nhóm ngành, khoa, bộ môn thực hiện nhiệm vụ đổi mới, hoàn thiện chương trình;
- Phân nhóm các chương trình đào tạo theo các nhóm ngành;



- Xác định khối lượng kiến thức toàn khóa cho các nhóm ngành, phân bổ số tín chỉ cho từng khối kiến thức thuộc chương trình đào tạo, tỷ lệ các học phần tự chọn trong tổng số tín chỉ toàn khóa;

- Xác định chương trình khung đào tạo thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các ngành/chuyên ngành gồm: số học phần, số tín chỉ cho từng học phần, khoa chịu trách nhiệm giảng dạy học phần.

+ Kiến thức Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được quy định gồm 15 tín chỉ đối với nhóm ngành Lý luận chính trị, Khoa học chính trị, Quản lý và Kinh tế, 13 tín chỉ đối với các nhóm ngành còn lại.

+ Kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn phần bắt buộc, Toán và Khoa học tự nhiên, Ngoại ngữ: thực hiện chung trong toàn Học viện;

+ Kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn phần tự chọn: thiết kế thành các nhóm học phần phù hợp với định hướng của các nhóm ngành.

- Bám sát Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để thẩm định, nghiệm thu.

*\* Ban Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và các khoa đào tạo theo từng nhóm ngành: Thống nhất xác định chương trình khung đào tạo của nhóm ngành (kiến thức cơ sở ngành), cụ thể như sau:*

- Xác định tỉ lệ số tín chỉ bắt buộc - tín chỉ tự chọn trong kiến thức cơ sở ngành;

- Tên học phần, số tín chỉ của các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, khoa chịu trách nhiệm giảng dạy học phần. Các ngành trong cùng nhóm ngành giống nhau phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc.

- Tên học phần, số tín chỉ của các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn, khoa chịu trách nhiệm giảng dạy học phần. Các học phần tự chọn được thiết kế thành các nhóm học phần định hướng theo ngành.

- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo xây dựng mẫu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và hướng dẫn các khoa thực hiện.



\* *Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa*: Thống nhất xác định chương trình khung đào tạo của ngành (kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ, kiến thức chuyên ngành), cụ thể như sau:

- Xác định tỉ lệ số tín chỉ bắt buộc - tín chỉ tự chọn trong kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ (nếu có), kiến thức chuyên ngành;

- Tên học phần, số tín chỉ của các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc, khoa chịu trách nhiệm giảng dạy học phần. Các chuyên ngành trong cùng một ngành phải giống nhau phần kiến thức ngành bắt buộc.

- Tên học phần, số tín chỉ của các học phần thuộc kiến thức ngành tự chọn, khoa chịu trách nhiệm giảng dạy học phần. Các học phần tự chọn được thiết kế thành các nhóm học phần định hướng theo chuyên ngành.


Tất cả các chương trình đều phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa tổ chức nghiên cứu, thẩm định và thông qua (có biên bản chi tiết các buổi họp quyết định thông qua). Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện tổ chức thẩm định, thông qua và trình Giám đốc Học viện ban hành.

Chương trình khung đào tạo phần Kiến thức giáo dục đại cương (sử dụng chung trong toàn Học viện) hoàn thành trước 10/7/2018. Chương trình khung của các ngành/chuyên ngành đào tạo hoàn chỉnh hoàn thành trước 30/8/2018.

Yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện theo hướng dẫn, nộ 01 bản in chương trình khung ngành/chuyên ngành đào tạo có xác nhận của Trường khoa và gửi file qua email [nguyenthithuthuy@gmail.com](mailto:nguyenthithuthuy@gmail.com) trước ngày 30/8/2018. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh liên quan, các đơn vị, cá nhân liên hệ với Phòng Tuyển sinh, Kế hoạch và Tổng hợp, Ban Quản lý Đào tạo để kịp thời giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC ✓  
  
PGS, TS. Trương Ngọc Nam



MẪU CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
(Kèm theo Hướng dẫn số 30/4/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của  
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục:

Chúng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:

Tên văn bản:

Tên chương trình: .....

Trình độ đào tạo: .....

Ngành đào tạo: .....; Mã số: .....

**1. Mục tiêu**

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, Tin học,...

**2. Căn cứ xây dựng chương trình**

- Các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế được sử dụng để tham khảo

- Các văn bản pháp lý

**3. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)**

**3.1. Kiến thức**

**3.2. Kỹ năng**

**3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**4. Thời gian đào tạo**

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

**6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

**7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**8. Cách thức đánh giá**

**9. Nội dung chương trình**

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1.	Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.	Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			15 (13)	
		Triết học Mác - Lênin		4(3,0:1,0)/ 3(2,0:1,0)	
		Kinh tế chính trị Mác - Lênin		3(2,0:1,0)	
		Chủ nghĩa xã hội khoa học		3(2,0:1,0)/ 2(1,5:0,5)	



		Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3(2,0:1,0)
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (1,5:0,5)
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>			15-18
	<b>Bắt buộc</b>		9
	NP01001	Pháp luật đại cương	3 (2:1)
	CT01001	Chính trị học đại cương	2(1,5:0,5)
	XD01001	Xây dựng Đảng	2(1,5:0,5)
	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2(1,5:0,5)
	<b>Tự chọn</b>		
		.....	
		.....	
<b>1.3. Toán và khoa học tự nhiên</b>			3-6
	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3 (1:2)
		.....	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>			15/30
	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4(2:2)
	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	3(1,5:1,5)
	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4(2:2)
	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	4(2:2)
	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4(2:2)
	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	3(1,5:1,5)
	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4(2:2)
	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	4(2:2)
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành (18)</b>			
	<b>Bắt buộc</b>		12
		.....	
		.....	
	<b>Tự chọn</b>		6/18
		.....	
		.....	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			
	<b>Bắt buộc</b>		
		.....	
		Thực tế chính trị - xã hội	(2)
		Kiến tập nghề nghiệp	2
	<b>Tự chọn</b>		
		.....	
		.....	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ (nếu có)</b>			



<i>Bắt buộc</i>				
	.....			
	.....			
<i>Tự chọn</i>				
	.....			
	.....			
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành (tối đa 30 tín chỉ)</b>				
<i>Bắt buộc</i>				
	.....			
	Thực tập cuối khóa		3	
	Khóa luận/Học phần thay thế khóa luận		6	
<i>Tự chọn</i>				
	.....			
	.....			

**10. Hướng dẫn thực hiện:**

- Kế hoạch đào tạo dự kiến
- Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình
- Kế hoạch điều chỉnh chương trình.

**GIÁM ĐỐC**  
(ký tên, đóng dấu)